

TÒA PHÚC THẨM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TẠI ĐÀ NẴNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Bản án số 126/2026/HC-PT

Ngày 27/3/2026

Về “*Khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA PHÚC THẨM TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: ông Đặng Kim Nhân

Các Thẩm phán: ông Lê Văn Thường, ông Phùng Anh Dũng

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: ông Phạm Văn Phong

- Đại diện Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: ông Đinh Văn Chánh - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 27 tháng 3 năm 2026, mở phiên tòa công khai tại trụ sở Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng để xét xử phúc thẩm vụ án hành chính thụ lý số 131/2025/TLPT-HC ngày 01/10/2025 về “*Khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*” đối với bản án hành chính sơ thẩm số 21/2025/HC-ST ngày 18/7/2025 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng bị kháng cáo, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 303B/2026/QĐ-PT ngày 12/3/2026, giữa:

Người khởi kiện: bà Hoàng Thị Thanh L, sinh năm 1952; địa chỉ: khối phố B, phường A, thành phố T, tỉnh Quảng Nam (nay là phường H, thành phố Đà Nẵng), vắng mặt.

Đại diện theo ủy quyền của bà L là ông Vũ Hồng T, sinh năm 1977; địa chỉ: khối phố B, phường A, thành phố T, tỉnh Quảng Nam (nay là phường H, thành phố Đà Nẵng), có mặt.

Người bị kiện: Ủy ban nhân dân thành phố T, tỉnh Quảng Nam; người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng là Chủ tịch UBND phường H, thành phố Đà Nẵng; địa chỉ: E đường H, phường H, thành phố Đà Nẵng, có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- ông Ngô Văn P, sinh năm 1952, vắng mặt;
- bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1955, có mặt;
- bà Trương Thị V, sinh năm 1928, vắng mặt;
- ông Nguyễn Văn T1, sinh năm 1967, vắng mặt;
- bà Ngô Thị Quỳnh H, sinh năm 1985, vắng mặt;
- ông Ngô T2, sinh năm 1988, vắng mặt;
- ông Ngô T3, sinh năm 1991, vắng mặt;
- ông Vũ Hồng T, sinh năm 1977, có mặt;

9. bà Vũ Thị Hồng P1, sinh năm 1985, vắng mặt;

Cùng địa chỉ: khối phố B, phường A, thành phố T, tỉnh Quảng Nam (nay là phường H, thành phố Đà Nẵng).

10. ông Vũ Hồng N, sinh năm 1980; địa chỉ: khối phố F, phường A, thành phố T, tỉnh Quảng Nam (nay là phường H, thành phố Đà Nẵng).

Người đại diện theo ủy quyền của bà P1, ông N là ông Vũ Hồng T, sinh năm 1977; địa chỉ: khối phố B, phường A, thành phố T, tỉnh Quảng Nam (nay là phường H, Tp Đà Nẵng), ông T có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại Đơn khởi kiện đề ngày 04/12/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án, người khởi kiện bà Hoàng Thị Thanh L trình bày:

Năm 1987, vợ chồng bà L nhận chuyển nhượng của bà Lê Đình L1 (tức Nguyễn Thị Phương H1) phân nửa căn nhà số E P, phường A, thành phố T, tỉnh Quảng Nam (nay là phường H, thành phố Đà Nẵng); phân nửa căn nhà còn lại bà L1 đã bán cho ông Huỳnh Bá D; điều này thể hiện tại *Văn tự bán đoạn mãi nhà* ngày 31/7/1987 theo đúng quy định của pháp luật. Sơ đồ vị trí kèm theo xác định tổng diện tích đất và nhà ở trong vườn nhà khoảng 1.500m², mảnh vườn có tứ cận: phía Đông giáp nhà bà Nguyễn Thị N1; phía Tây giáp ruộng Hợp tác xã cũ; phía Nam giáp nhà ông Nguyễn D1; phía Bắc giáp đất và nhà ông Huỳnh Bá D. Cùng thời điểm này, bà L cũng lập *Giấy nhượng và đền bù cây ăn quả*, thể hiện diện tích đất bà Lê Đình L1 (tức Nguyễn Thị Phương H1) bán cho vợ chồng bà L là 1.500m².

Năm 1994, gia đình bà L chuyển nhượng cho vợ chồng ông Ngô Văn P, bà Nguyễn Thị S một phần căn nhà ở diện tích 29,88m²; tiếp đó, tháng 6/1995, gia đình bà L nhượng thêm cho ông P và bà S 220m² đất vườn, điều này cũng được xác nhận tại Thông báo số 417/TB-UBND ngày 23/3/2019 trong đợt Thông báo có kết luận làm việc cuối cùng của UBND thành phố T, trước khi ra Quyết định số 3859/QĐ-UBND ngày 24/7/2019 nhằm “*áp dụng cưỡng chế thu hồi đất*” đối với hộ gia đình ông P và bà S. Phần diện tích đất vườn 220m² nằm liền kề phía sau lưng phần nhà ở mà trước đó gia đình bà L đã bán cho ông P2 và bà nhà ông P và bà S; phía Tây: giáp ruộng của Hợp tác xã (cũ); phía Nam giáp vườn ông Vũ Hồng H2 (nay là đất gia đình bà L); phía Bắc giáp đất và nhà ông Huỳnh Bá D.

Thực hiện dự án: Khóp nối nút giao thông Thái Phiên - P, địa điểm phường A, thành phố T, tỉnh Quảng Nam. Ngày 30/5/2018 Ủy ban nhân dân thành phố T ban hành Quyết định số 3461/QĐ- UBND về việc công nhận quyền sử dụng đất cho hộ gia đình, cá nhân khi Nhà nước thu hồi đất, bồi thường, giải phóng mặt bằng. Điều 1 Quyết định 3461/QĐ-UBND ngày 30/5/2018 ghi: “*công nhận quyền sử dụng đất cho hộ bà Nguyễn Thị S, ông Ngô Văn P, thường trú tại khối phố B, phường A, thành phố Tam Kỳ đối với thửa đất số 48, tờ bản đồ số 13 (Mảnh đo đạc chỉnh lý bản đồ địa chính số 10-2017) phường A, thành phố T, diện tích 395,3m², gồm 200m² đất ở đô thị, thời hạn sử dụng lâu dài và 195,3m² đất trồng cây lâu năm, thời hạn sử dụng đến 01/7/2064. Vị trí, ranh giới thu hồi đất được*

xác định theo Mảnh đo đạc chỉnh lý bản đồ địa chính số 10-2017 được chỉnh lý từ tờ bản đồ địa chính số 13 (722578-3-(14) được Chi nhánh Văn phòng Đ duyệt ngày 17/5/2017”. Sau đó, UBND thành phố T ban hành Quyết định số 4091/QĐ-UBND ngày 29/8/2023 điều chỉnh nội dung tại Điều 1 Quyết định số 3461/QĐ-UBND ngày 30/5/2018 của Ủy ban nhân dân thành phố T về việc công nhận quyền sử dụng đất cho hộ gia đình, cá nhân khi Nhà nước thu hồi đất, bồi thường, giải phóng mặt bằng để thực hiện dự án: Khóp nối nút giao thông Thái Phiên - P, địa điểm phường A, thành phố T, tỉnh Quảng Nam.

Như vậy, UBND thành phố T đã đo đạc và lấy phần diện tích 29m² của bà (nằm trước phần căn nhà ông P và bà S) để công nhận cho hộ gia đình ông P và bà S. Phần diện tích đất 29m² này hoàn toàn nằm ngoài phần diện tích đất và nhà mà trước đó gia đình bà đã nhượng lại cho ông P và bà S vào các năm 1994 và 1995. Diện tích đất 29 m² thửa đất số 48, tờ bản đồ số 13; có vị trí tứ cận xác định cụ thể như sau: phía Đông: giáp đất đi vào nhà bà L; phía Tây: giáp nhà ở của ông P và bà S; phía Nam: giáp đất sân trước của nhà bà L; phía Bắc: giáp đất và sân nhà ông Huỳnh Bá D.

Xuất phát từ việc UBND thành phố T ra Quyết định số 3461/QĐ-UBND ngày 30/5/2018 công nhận quyền sử dụng đất không đúng nội dung (áp dụng đối với hộ gia đình ông P và bà S khi triển khai thực hiện dự án khóp nối nút giao thông Thái Phiên - Phan Chu T4). Từ ngày 19/6/2023 đến ngày 04/10/2023, gia đình bà L đã 04 lần gửi đơn thư đến UBND thành phố T nhằm kiến nghị điều chỉnh diện tích 29m² đất để giao lại đúng đối tượng. Đến ngày 13/10/2023, UBND thành phố T ban hành Công văn số 2693/UBND-TNMT trả lời đơn thư cho rằng “... *phần diện tích 29,0m² tại vị trí phía trước sân (trước nhà của hộ này) và đề nghị trả lại cho bà L là không có cơ sở giải quyết*”. Chính vì UBND thành phố T trả lời đơn thư không đúng nội dung nên ngày 3/11/2023, gia đình bà lại tiếp tục gửi Đơn kiến nghị đến UBND thành phố T và đề nghị cần làm sáng tỏ lại nội dung này. Tuy nhiên, sau đó gia đình bà vẫn không nhận được bất cứ thông tin UBND thành phố T trả lời, phản hồi.

Nay bà Hoàng Thị Thanh L khởi kiện, yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Hủy Công văn số 2693/UBND-TNMT ngày 13/10/2023 của Ủy ban nhân dân thành phố T về việc trả lời đơn của công dân bà L;

- Hủy Quyết định số 3461/QĐ-UBND ngày 30/5/2018 của Ủy ban nhân dân thành phố T về việc công nhận quyền sử dụng đất cho hộ gia đình, cá nhân khi Nhà nước thu hồi đất, bồi thường, giải phóng mặt bằng để thực hiện dự án: Khóp nối nút giao thông Thái Phiên - P, địa điểm phường A, thành phố T, tỉnh Quảng Nam;

- Hủy Quyết định số 4091/QĐ-UBND ngày 29/8/2023 điều chỉnh nội dung tại Điều 1 Quyết định số 3461/QĐ-UBND ngày 30/5/2018 của Ủy ban nhân dân thành phố T về việc công nhận quyền sử dụng đất cho hộ gia đình, cá nhân khi Nhà nước thu hồi đất, bồi thường, giải phóng mặt bằng để thực hiện dự án: Khóp nối nút giao thông Thái Phiên - P, địa điểm phường A, thành phố T, tỉnh Quảng Nam.

- Buộc Ủy ban nhân dân thành phố T *{người kế thừa quyền và nghĩa vụ tổ tụng là Chủ tịch UBND phường H, thành phố Đà Nẵng}* công nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích 29m² thuộc thửa đất số 48, tờ bản đồ số 13 tại khối phố B, phường A, thành phố T, tỉnh Quảng Nam (nay là phường H, thành phố Đ) cho hộ bà Hoàng Thị Thanh L.

** Đại diện theo uỷ quyền của người bị kiện trình bày:*

Đối với nội dung khởi kiện của bà Hoàng Thị Thanh L yêu cầu hủy Công văn số 2693/UBND-TNMT ngày 13/10/2023 của UBND thành phố T về việc trả lời đơn của công dân: UBND thành phố T xét thấy việc ban hành Công văn nêu trên là trả lời theo nội dung Đơn kiến nghị đề ngày 19/6/2023 của bà Hoàng Thị Thanh L và đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 18 Quy định quy trình xử lý đơn trên địa bàn tỉnh Quảng Nam (Ban hành kèm theo Quyết định số 1866/QĐ-UBND ngày 05/9/2023 của UBND tỉnh Q). Đối với nội dung khởi kiện yêu cầu hủy một phần Quyết định số 3461/QĐ-UBND ngày 30/5/2018 của UBND thành phố T về phần diện tích 29 m² thuộc thửa đất số 48, tờ bản đồ số 13 đã được UBND thành phố T quyền sử dụng đất cho hộ bà Nguyễn Thị S, ông Ngô Văn P; buộc UBND thành phố T quyền sử dụng đất đối với diện tích 29 m² thuộc thửa đất số 48, tờ bản đồ số 13 cho hộ bà Hoàng Thị Thanh L: UBND phường A xác nhận ngày 14/5/2018, hồ sơ được các cơ quan chuyên môn kiểm tra, thẩm định; ngày 30/5/2018, UBND thành phố T ban hành Quyết định số 3461/QĐ-UBND ngày 30/5/2018 về việc công nhận quyền sử dụng đất cho hộ gia đình, cá nhân khi Nhà nước thu hồi đất, bồi thường, giải phóng mặt bằng để thực hiện dự án: Khóp nối nút giao thông Thái Phiên - P; địa điểm: phường A, thành phố T, tỉnh Quảng Nam là đảm bảo đúng quy định của Luật Đất đai, vì vậy, người bị kiện đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Vũ Hồng T, ông Vũ Hồng N, bà Vũ Thị Hồng P1* thống nhất trình bày và yêu cầu khởi kiện của bà Hoàng Thị Thanh L.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Ngô Văn P, bà Nguyễn Thị S trình bày:* Quyết định số 3461/QĐ-UBND ngày 30/5/2018 của UBND thành phố T quyền sử dụng đất cho hộ bà Nguyễn Thị S, ông Ngô Văn P đối với thửa đất số 48, tờ bản đồ số 13, diện tích 395,3m², gồm 200m² đất ở đô thị và 195,3m² đất trồng cây lâu năm là đúng quy định của pháp luật. Bà L khởi kiện liên quan đến diện tích 29m² thuộc thửa đất số 48, tờ bản đồ số 13 đã được UBND thành phố Tam Kỳ công nhận quyền sử dụng đất cho hộ gia đình bà là không có cơ sở; đối với phần diện tích đất này đã được xác nhận về nguồn gốc và quá trình sử dụng; gia đình ông bà có đủ điều kiện được công nhận quyền sử dụng đất. Diện tích 29m² thuộc một phần diện tích thửa đất số 48, tờ bản đồ số 13 mà gia đình ông bà kê khai đăng ký; diện tích đất này gia đình bà nhận chuyển nhượng của bà Hoàng Thị Thanh L và sử dụng ổn định từ khi nhận chuyển nhượng cho đến nay, không có tranh chấp. Thời điểm Nhà nước thu hồi đất, trên đất có 02 cây cảnh thuộc quyền sở hữu của gia đình bà; vì các lý do trên, đề nghị Tòa án bác yêu cầu khởi kiện của bà L.

Tại bản án hành chính sơ thẩm số 21/2025/HC-ST ngày 18/7/2025, Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng quyết định:

Căn cứ các Điều 3, 30, 32, 115, 116, điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 348 của Luật Tổ tụng hành chính năm 2015; các Điều 100, 101 Luật Đất đai năm 2013; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; xử:

1. Bác yêu cầu khởi kiện của bà Hoàng Thị Thanh L về việc yêu cầu:

- Hủy Công văn số 2693/UBND-TNMT ngày 13/10/2023 của Ủy ban nhân dân thành phố T về việc trả lời đơn của công dân.

- Hủy Quyết định số 3461/QĐ-UBND ngày 30/5/2018 của Ủy ban nhân dân thành phố T về việc công nhận quyền sử dụng đất cho hộ gia đình, cá nhân khi Nhà nước thu hồi đất, bồi thường, giải phóng mặt bằng để thực hiện dự án: Khóp nối nút giao thông Thái Phiên - P, địa điểm phường A, thành phố T, tỉnh Quảng Nam.

- Hủy Quyết định số 4091/QĐ-UBND ngày 29/8/2023 điều chỉnh nội dung tại Điều 1 Quyết định số 3461/QĐ-UBND ngày 30/5/2018 của Ủy ban nhân dân thành phố T về việc công nhận quyền sử dụng đất cho hộ gia đình, cá nhân khi Nhà nước thu hồi đất, bồi thường, giải phóng mặt bằng để thực hiện dự án: Khóp nối nút giao thông Thái Phiên - P, địa điểm phường A, thành phố T, tỉnh Quảng Nam.

- Buộc Ủy ban nhân dân thành phố T (người kế thừa quyền và nghĩa vụ tổ tụng là Chủ tịch UBND phường H, thành phố Đà Nẵng) công nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích 29 m² thuộc thửa đất số 48, tờ bản đồ số 13 tại khối phố B, phường A, thành phố T, tỉnh Quảng Nam (nay là phường H, thành phố Đà Nẵng) cho hộ bà Hoàng Thị Thanh L.

Về chi phí tố tụng: bà Hoàng Thị Thanh L chịu 5.500.000 đồng (Năm triệu năm trăm ngàn đồng} tiền xem xét, thẩm định tại chỗ, bà L đã nộp đủ.

Án phí hành chính sơ thẩm: bà Hoàng Thị Thanh L được miễn 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng} án phí hành chính sơ thẩm.

Sau khi xét xử sơ thẩm:

- Bà Hoàng Thanh L kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà L.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bà Hoàng Thanh L do ông Vũ Hồng Trung đại D2 theo ủy quyền giữ nguyên kháng cáo.

- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu:

+ Về việc tuân theo pháp luật: Từ khi thụ lý vụ án, Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng, Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng quy định của Luật Tổ tụng hành chính.

+ Về nội dung vụ án: Đề nghị bác kháng cáo của bà Hoàng Thanh L, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

- Căn cứ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, căn cứ ý kiến của Kiểm sát viên, sau khi thảo luận và nghị án,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Về tố tụng:

[1] Người khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết hủy Công văn số 2693/UBND-TNMT ngày 13/10/2023 của ủy ban nhân dân thành phố T về việc trả lời đơn của công dân; hủy Quyết định số 3461/QĐ-UBND ngày 30/5/2018 của Ủy ban nhân dân thành phố T về việc công nhận quyền sử dụng đất cho hộ gia đình, cá nhân khi Nhà nước thu hồi đất, bồi thường, giải phóng mặt bằng để thực hiện dự án: Khóp nối nút giao thông Thái Phiên - P, địa điểm phường A, thành phố T, tỉnh Quảng Nam; hủy Quyết định số 4091/QĐ-UBND ngày 29/8/2023 điều chỉnh nội dung tại Điều 1 Quyết định số 3461/QĐ-UBND ngày 30/5/2018 của Ủy ban nhân dân thành phố T về việc công nhận quyền sử dụng đất cho hộ gia đình, cá nhân khi Nhà nước thu hồi đất, bồi thường, giải phóng mặt bằng để thực hiện dự án: Khóp nối nút giao thông Thái Phiên - P, địa điểm phường A, thành phố T, tỉnh Quảng Nam; buộc Ủy ban nhân dân thành phố T (người kế thừa là Chủ tịch UBND phường H, thành phố Đà Nẵng) công nhận quyền sử dụng diện tích 29m² đất, thuộc thửa 48, tờ bản đồ số 13, khối phố B, phường A, thành phố T, tỉnh Quảng Nam (nay là phường H, thành phố Đà Nẵng) cho hộ bà Hoàng Thị Thanh L. Vì vậy, theo quy định tại các Điều 3, 30, 32 của Luật Tố tụng hành chính năm 2015 thì nội dung mà bà L khởi kiện như đã nêu trên là đối tượng khởi kiện của vụ án hành chính, được xác định là “*Khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính về lĩnh vực quản lý đất đai*” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam (sau là Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng).

[2] Về quyền khởi kiện và thời hiệu khởi kiện: Ngày 13/10/2023, UBND thành phố T ban hành Công văn số 2693/CV- TNMT về việc trả lời đơn của công dân; trong đó có nội dung “*Việc bà Hoàng Thị Thanh L đề nghị điều chỉnh Quyết định số 3461/QĐ-UBND ngày 30/5/2018 của Ủy ban nhân dân thành phố T đối với diện tích 29m² tại vị trí phía trước sân (trước nhà của hộ này) và đề nghị trả lại cho bà L là không có cơ sở*”. Ngày 02/12/2023, bà Hoàng Thị Thanh L khởi kiện đối với quyết định hành chính và hành vi hành chính nêu trên; vì vậy, quyền khởi kiện và thời hiệu khởi kiện vụ án đảm bảo, đúng theo quy định tại các Điều 115, 116 của Luật Tố tụng hành chính năm 2015.

Về giải quyết nội dung yêu cầu khởi kiện:

[3] Về quá trình ban hành các quyết định hành chính của người bị kiện: Thực hiện dự án: Khóp nối nút giao thông Thái Phiên - P, địa điểm phường A, thành phố T, tỉnh Quảng Nam, ngày 30/5/2018 của UBND thành phố T ban hành Quyết định số 3461/QĐ-UBND về việc công nhận quyền sử dụng đất cho hộ gia đình, cá nhân khi Nhà nước thu hồi đất, bồi thường, giải phóng mặt bằng, trong đó có nội dung: “*công nhận quyền sử dụng đất cho hộ bà Nguyễn Thị S, ông Ngô Văn P, thường trú tại khối phố B, phường A, thành phố Tam Kỳ đối với thửa đất số 48, tờ bản đồ số 13 (Mảnh đo đạc chính lý bản đồ địa chính số 10-2017) phường A, thành phố T, diện tích 395,3m², gồm 200m² đất ở đô thị, thời hạn sử dụng lâu dài và 195,3m² đất trồng cây lâu năm, thời hạn sử dụng đến 01/7/2064.*”

Vị trí, ranh giới thu hồi đất được xác định theo Mạnh đo đạc chỉnh lý bản đồ địa chính số 10-2017 được chỉnh lý từ tờ bản đồ địa chính số 13 (722578-3-(14) được Chi nhánh Văn phòng Đ duyệt ngày 17/5/2017". Sau đó, UBND thành phố T đã ban hành Quyết định số 4091/QĐ-UBND ngày 29/8/2023 điều chỉnh nội dung tại Điều 1 Quyết định số 3461/QĐ-UBND ngày 30/5/2018 của UBND thành phố T về việc công nhận quyền sử dụng đất cho hộ gia đình, cá nhân khi Nhà nước thu hồi đất, bồi thường, giải phóng mặt bằng để thực hiện dự án: Khớp nối nút giao thông Thái Phiên – P, nội dung: Điều 1 Quyết định số 461/QĐ-UBND ngày 30/5/2018 của ủy ban nhân dân thành phố T được điều chỉnh thành: “công nhận quyền sử dụng đất cho hộ bà Nguyễn Thị S, ông Ngô Văn P, thường trú tại khối phố B, phường A, thành phố T7 đối với thửa đất số 48, tờ bản đồ số 13 (Mạnh đo đạc chỉnh lý bản đồ địa chính số 62-2023) phường A, thành phố T7, diện tích 380,1m², gồm 200m² đất ở đô thị, thời hạn sử dụng lâu dài và 180,1m² đất trồng cây lâu năm, thời hạn sử dụng đến 01/7/2064. Vị trí, ranh giới thu hồi đất được xác định theo Mạnh đo đạc chỉnh lý bản đồ địa chính số 62-2023 được chỉnh lý từ tờ bản đồ địa chính số 13 (722578-3-(14) được Chi nhánh Văn phòng Đ duyệt ngày 28/7/2023”. Bà Hoàng Thị Thanh L có các đơn kiến nghị đề ngày 11/7/2023 và 04/10/2023. Ngày 13/10/2023, UBND thành phố T có Công văn số 2693/CV-TNMT về việc trả lời đơn của công dân; trong đó có nội dung “việc bà Hoàng Thị Thanh L đề nghị điều chỉnh Quyết định số 3461/QĐ-UBND ngày 30/5/2018 của Ủy ban nhân dân thành phố T đối với diện tích 29m² tại vị trí phía trước sân (trước nhà của hộ này) và đề nghị trả lại cho bà L là không có cơ sở”.

[4] *Về nguồn gốc, quá trình kê khai đăng ký thửa đất số 48, tờ bản đồ số 13, thấy rằng:*

[4.1] Quá trình giải quyết vụ án, các đương sự đều thống nhất thừa nhận thửa đất số 48, tờ bản đồ số 13 do vợ chồng ông Ngô Văn P và bà Nguyễn Thị S nhận chuyển nhượng của vợ chồng ông Vũ Hồng H2 và bà Hoàng Thị Thanh L, cụ thể: ngày 24/10/1994, ông Vũ Hồng H3 và bà Hoàng Thị Thanh L lập hợp đồng chuyển dịch quyền sở hữu bất động sản cho ông Ngô Văn P và bà Nguyễn Thị S một nửa ngôi nhà trệt, tường xây gạch, mái ngói, nền ciment; trong đó nhà 29,88 m² với giá 7.500.000 đồng. Theo bà L trình bày: sau đó gia đình bà tiếp tục nhượng thêm cho ông P, bà S diện tích đất vườn 220m² vào tháng 6/1995. Theo Giấy xác nhận về hộ khẩu, nguồn gốc sử dụng đất và xây dựng trên đất ngày 03/8/2023 thể hiện nguồn gốc sử dụng như sau: ông Vũ Hồng H2 và bà Hoàng Thị Thanh L sử dụng nhà và đất trước ngày 15/10/1993. Ông Ngô Văn P và bà Nguyễn Thị S nhận chuyển nhượng nhà của hộ ông Vũ Hồng H2 theo hợp đồng chuyển dịch quyền sở hữu bất động sản lập ngày 24/10/1994 được Phòng Công chứng Nhà nước số 2 tỉnh Q chứng nhận ngày 26/10/1994 với diện tích nhà mua bán là 29,88m². Năm 1995, hộ ông Vũ Hồng H2 tiếp tục chuyển nhượng cho ông P, bà S với diện tích đất vườn là 220 m² được UBND phường A chứng nhận ngày 08/7/1995. Trong quá trình đo đạc lập hồ sơ theo NĐ60/CP thì tổ công tác đo bao thửa đất của ông P, bà S vào chung thửa đất với các hộ dân và do UBND phường đăng ký, nhưng trên thực tế hộ ông P, bà S quản lý, sử dụng từ năm 1994 đến nay ổn định, không tranh chấp. Hiện tại, ông P, bà S sử dụng nhà và đất với diện tích

386,1m². Phần diện tích tăng 131,72m² (loại đất trồng cây lâu năm do nhận chuyển nhượng không có giấy tờ so với phần diện tích đất hộ ông P, bà S nhận chuyển nhượng từ năm 1994 được hộ ông P, bà S sử dụng ổn định trước ngày 01/7/2004).

[4.2] Về quá trình kê khai đăng ký tại Công văn số 17/UBND-ĐCXĐ ngày 17/6/2024, UBND phường A cung cấp thông tin:

** Hồ sơ đăng ký kê khai qua các thời kỳ đối với thửa đất số 52, tờ bản đồ số 13 (số hiệu thửa đất theo hồ sơ 60/CP):*

- Hồ sơ theo Chỉ thị 299/TTg: thửa đất số 52, tờ bản đồ số 13 (NĐ60/CP) theo hồ sơ 299/TTg nằm trong thửa đất số 36, tờ bản đồ số 01 với tổng diện tích 3.687,0m² T (theo Sổ mục kê ruộng đất được UBND phường duyệt ngày 31/12/1989: thửa đất số 36, tờ bản đồ số 01 được đo bao gồm các hộ có tên đăng ký sau: ông Dương Đức T5 với diện tích 177,0 m², bà Nguyễn Thị N1 với diện tích 80,0m², ông Nguyễn Văn T6 với diện tích 3.148,0 m²).

- Hồ sơ 60/CP được duyệt ngày 14/7/2003: thửa đất số 52, tờ bản đồ số 13, diện tích 1.340,5 m² do UBND phường đứng tên kê khai.

- Hồ sơ cơ sở dữ liệu được Sở T8 duyệt ngày 11/11/2015 thể hiện: vị trí thửa đất số 52, tờ bản đồ số 13 (theo hồ sơ 60/CP) được tách ra làm 5 thửa: + Thửa đất thứ 1: thửa đất số 34, tờ bản đồ số 13 do bà Trần Thị L2 (mẹ của bà Hoàng Thị Thanh L) đứng tên kê khai; + Thửa thứ 2: thửa đất số 46, tờ bản đồ số 13 do bà Hoàng Thị Thanh L đứng tên kê khai; + Thửa thứ 3: thửa đất số 48, tờ bản đồ số 13 do bà Nguyễn Thị S đứng tên kê khai; + Thửa thứ 4: thửa đất số 56, tờ bản đồ số 13 do bà Vũ Thị Hồng P1 (con gái bà L) đứng tên kê khai; + Thửa thứ 5: thửa đất số 57, tờ bản đồ số 13 do ông Vũ Hồng T (con trai bà L) đứng tên kê khai.

** Hồ sơ đăng ký kê khai qua các thời kỳ đối với thửa đất số 48, tờ bản đồ số 13 tại khối phố B, phường A:*

- Hồ sơ theo Chỉ thị 299/TTg: vị trí thửa đất 48, tờ bản đồ số 13 theo hồ sơ 299/TTg nằm trong thửa đất 36, tờ bản đồ số 01 với tổng diện tích 3.687 m², loại đất T, bà S không có tên trong sổ mục kê, sổ đăng ký ruộng đất theo Chỉ thị 299/TTg.

- Hồ sơ 60/CP được duyệt ngày 14/7/2003; vị trí thửa đất số 48, tờ bản đồ số 13 theo hồ sơ NĐ/CP nằm tại thửa đất số 52, tờ bản đồ số 13 với diện tích 1.340,5m² do UBND phường đứng tên kê khai, bà Nguyễn Thị S không có tên trong sổ địa chính được duyệt.

- Hồ sơ cơ sở dữ liệu: vị trí thửa đất số 48, tờ bản đồ số 13, diện tích Như vậy, thửa đất số 48, tờ bản đồ số 13 do bà S đứng tên kê khai đăng ký; gia đình bà L không có kê khai đăng ký.

- Theo kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ của Tòa án (có Bản đồ trích đo địa chính số 01-2025 ngày 10/6/2025 của Văn phòng Đ1 kèm theo) thể hiện diện tích 29m² (liên quan đến việc khiếu kiện của bà L) thuộc thửa đất số 48, tờ bản đồ số 13, vị trí nằm trước sân nhà bà S, trên đất có 02 cây cảnh thuộc quyền sở hữu của gia đình bà S. Tại phiên tòa, bà L và bà S đều thừa nhận từ năm 1994 đến nay, gia đình bà S sử dụng diện tích đất này để làm lối đi vào nhà; đây là lối đi duy nhất

của gia đình bà S, từ trước đến nay, bà L và bà S không có tranh chấp quyền sử dụng đất.

[4.3] Từ các mục trên, cấp phúc thẩm xét thấy diện tích đất 29m² bà L đang khiếu kiện thuộc thửa đất số 48, tờ bản đồ số 13 hộ gia đình ông P, bà S quản lý, sử dụng ổn định trước ngày 01/7/2004; phù hợp với nguồn gốc, quá trình kê khai đăng ký của hộ ông Ngô Văn P và bà Nguyễn Thị S và đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản gắn liền với đất theo quy định tại các Điều 100, 101 Luật Đất đai năm 2013; vì vậy, UBND thành phố T khi thực hiện dự án: Khóp nối nút giao thông Thái Phiên - P, địa điểm phường A, thành phố T, tỉnh Quảng Nam đã ban hành Quyết định 3461/QĐ-UBND ngày 30/5/2018 về việc công nhận quyền sử dụng đất cho hộ gia đình ông P, bà S; Quyết định số 4091/QĐ-UBND ngày 29/8/2023 điều chỉnh nội dung tại Điều 1 Quyết định số 3461/QĐ-UBND ngày 30/5/2018 của UBND thành phố T là đúng quy định pháp luật và Công văn số 2693/UBND-TNMT ngày 13/10/2023 của Ủy ban nhân dân T về việc trả lời đơn kiến nghị cho công dân (bà Hoàng Thị Thanh L) là có cơ sở, đảm bảo quyền và lợi ích của các bên đương sự. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của bà L yêu cầu hủy Công văn số 2693/UBND-TNMT ngày 13/10/2023 của UBND thành phố T về việc trả lời đơn của công dân; hủy Quyết định số 461/QĐ-UBND ngày 30/5/2018 của UBND thành phố T về việc công nhận quyền sử dụng đất cho hộ gia đình, cá nhân khi Nhà nước thu hồi đất, bồi thường, giải phóng mặt bằng để thực hiện dự án: Khóp nối nút giao thông Thái Phiên - P, địa điểm phường A, thành phố T, tỉnh Quảng Nam; hủy Quyết định số 4091/QĐ-UBND ngày 29/8/2023 điều chỉnh nội dung tại Điều 1 Quyết định số 3461/QĐ-UBND ngày 30/5/2018 của Ủy ban nhân dân thành phố T về việc công nhận quyền sử dụng đất cho hộ gia đình, cá nhân khi Nhà nước thu hồi đất, bồi thường, giải phóng mặt bằng để thực hiện dự án: Khóp nối nút giao thông Thái Phiên - P, địa điểm phường A, thành phố T, tỉnh Quảng Nam là có căn cứ, đúng pháp luật nên cấp phúc thẩm bác kháng cáo của bà L, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm. Bà L kháng cáo không được chấp nhận, nhưng là người cao tuổi đã có đơn xin miễn án phí nên được miễn án phí hành chính phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 241, Điều 242 và Điều 348, 349 của Luật Tổ tụng hành chính năm 2015, bác kháng cáo của bà Hoàng Thị Thanh L, giữ nguyên quyết định của bản án hành chính sơ thẩm số 21/2025/HC-ST ngày 18/7/2025 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

Án phí hành chính phúc thẩm: bà Hoàng Thị Thanh L được miễn.

Bản án hành chính phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ giám đốc kiểm tra IV-TANDTC;
- Các đương sự (theo địa chỉ);

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Viện công tố và KSXXPT tại Đà Nẵng;
- Tòa án nhân dân Tp Đà Nẵng;
- Viện kiểm sát nhân dân Tp Đà Nẵng;
- Thi hành án dân sự Tp Đà Nẵng;
- Lưu: Phòng lưu trữ; hồ sơ vụ án.

Đặng Kim Nhân